TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 591/2026/DS-ST
Ngày 05-8-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh.

Ông Lê Anh Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 991/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1449/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty T (Việt Nam)**

Địa chỉ: Số I đường P, Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hải N, địa chỉ liên hệ: Số B đường L, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 01-5-2025). (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số B đường M, phường N, thành phố Cần Thơ. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 22-10-2025 và trong quá trình giải quyết đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần Hải N trình bày:*

Ngày 14-9-2023, Công ty T (Việt Nam) ký Hợp đồng tín dụng số 4915556 về việc cấp tín dụng với ông Trần Văn L với khoản vay trị giá 40.000.000 đồng, trong đó 40.000.000 đồng tiền vay và 0 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp và không

có tài sản bảo đảm, lãi suất vay 48%/năm, thời hạn vay 30 tháng tính từ ngày 10-10-2023 đến ngày 10-3-2026.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 18-9-2023, Công ty T (Việt Nam) đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông L theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng, số tiền giải ngân được công ty chuyển khoản vào tài khoản do ông L cung cấp tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4915556.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đã thanh toán được 17 kỳ với số tiền 40.246.429 đồng, trong đó bao gồm 16.412.669 đồng tiền gốc, 23.624.121 đồng tiền lãi, 204.000 đồng tiền phí thu hộ. Tuy nhiên, ngày 12-02-2025, ông L đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía công ty đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn.

Công ty đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông L thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng nhưng ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía công ty. Ông L không thanh toán đúng hạn theo quy định của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, đã vi phạm nghĩa vụ đối với công ty, đồng thời công ty có quyền đơn phương chấm dứt cho vay và thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn với ông L.

Tính đến ngày 05-8-2025, ông L đã không thanh toán, trễ hạn các khoản tiền như sau: Nợ gốc còn lại chưa thanh toán 23.587.331 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (số tiền lãi chưa trả tính từ kỳ 18 đến kỳ 22) là 4.053.593 đồng, số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 1.295.561 đồng, tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán 100.377 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 05-8-2025, số tiền ông L phải thanh toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là 29.036.862 đồng. Công ty buộc ông L thanh toán toàn bộ khoản vay (bao gồm dư nợ gốc, lãi, phí) tính đến ngày 05-8-2025 với số tiền 29.036.862 đồng. Đồng thời, ông L phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 06-8-2025 đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay.

** Tại bản tự khai ngày 10-7-2026 và trong quá trình giải quyết bị đơn – ông Trần Văn L trình bày:*

Vào ngày 14-9-2023 ông có vay của Công ty T (Việt Nam) số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay trả góp 30 tháng, ông đã trả được 17 kỳ hàng tháng với tổng số tiền 40.246.429 đồng, theo bảng sao kê của công ty ông đã trả tiền gốc 16.412.669 đồng, tiền lãi 23.624.121 đồng. Hiện nay ông còn nợ tiền gốc của công ty là 23.587.331 đồng.

Đến thời điểm hiện nay ông thất nghiệp và lớn tuổi, lao động tự do không có thu nhập ổn định nên ông xin công ty xem xét hoàn cảnh của ông để ông trả dần số tiền gốc vào hai vụ mùa lúa trong năm và không tính lãi số tiền gốc nữa.

Do ông làm ăn xa nên ông xin Tòa cho ông được vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa,

* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 10-7-2026, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T (Việt Nam) (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 10-7-2026 với tổng số tiền 43.429.502 đồng (trong đó: nợ gốc 23.587.331 đồng, tiền lãi trong hạn 5.846.172 đồng, tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn 13.370.222 đồng, tiền lãi chậm trả 625.778 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 11-7-2026 đến khi hoàn tất thanh toán theo hợp đồng.

* Bị đơn ông Trần Văn L có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn L có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để xét xử vắng mặt đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 22-10-2025 và Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 14-9-2023 cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch vay mượn, do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng, do đó xác định đây là loại kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường N, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4915556 ngày 14-9-2023 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền, bị đơn ký đề nghị vay vốn với nguyên đơn để vay số tiền 40.000.000 đồng, nguyên đơn đã giải ngân chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản của bị đơn. Trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 16.412.669 đồng tiền gốc, 23.624.121 đồng tiền lãi và 204.000 đồng tiền phí thu hộ, dư nợ tính đến ngày 05-8-2026 là 23.587.331 đồng.

Đối với bị đơn, tại bản tự khai ngày 10-7-2026 ông L thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng và xác định còn nợ tiền gốc 16.412.669 đồng, bị đơn đề nghị nguyên đơn xem xét để bị đơn trả dần số tiền gốc, yêu cầu không tính lãi và không cung cấp các chứng cứ có liên quan để bảo vệ quyền lợi

cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Do bị đơn không trả tiền gốc và lãi theo đúng giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 23.587.331 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4915556 ngày 14-9-2023 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận việc vay vốn, thỏa thuận các điều khoản về tính lãi phát sinh, trong đó có lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả lãi một cách tự nguyện, việc thỏa thuận được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, hợp đồng tín dụng trên đã được thực hiện và có hiệu lực thi hành. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*, bị đơn không thanh toán số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo đúng hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ vào Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng tính đến ngày 10-7-2026, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trong hạn 5.846.172 đồng, tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn 13.370.222 đồng, tiền lãi chậm trả 625.778 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 23.587.331 đồng, tiền lãi trong hạn 5.846.172 đồng, tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn 13.370.222 đồng, tiền lãi chậm trả 625.778 đồng, tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 43.429.502 đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên do bị đơn là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên miễn án phí dân sự cho bị đơn. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) đối với bị đơn ông Trần Văn L.

Buộc ông Trần Văn L phải trả cho Công ty T (Việt Nam) số nợ gốc, lãi tính đến ngày 10-7-2026 là 43.429.502 đồng (trong đó: tiền gốc 23.587.331 đồng, tiền lãi trong hạn 5.846.172 đồng, tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn 13.370.222 đồng, tiền lãi chậm trả 625.778 đồng).

Kể từ ngày 11-7-2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) được nhận lại 725.000 đồng (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009272 ngày 12-5-2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV1- Cần Thơ
- Phòng THADS KV1- Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phượng